

Số: 800/QĐ-BVTV-KH

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định phòng thử nghiệm ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-KHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Thông tư số 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 54/2011/TT-BNNPTNT ngày 3 tháng 8 năm 2011;

Xét Biên bản đánh giá ngày 10 tháng 01 năm 2018 và Hồ sơ khắc phục của Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Phòng thử nghiệm FCC thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC (Địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh; Điện thoại 028.38297857/8223183; Fax: 028.38390202/3910370) là Phòng thử nghiệm ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lĩnh vực phân bón.

Mã số: **LAS – NN 36**

Điều 2. Danh mục các phương pháp thử được chỉ định đối với phân bón của Phòng thử nghiệm FCC thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC được quy định tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Phòng thử nghiệm FCC thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thử nghiệm phân bón phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu; tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Duy trì liên tục sự phù hợp của phòng thử nghiệm theo ISO/IEC 17025:2005 trong thời gian hiệu lực của Quyết định này.

3. Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật xây dựng và phát triển phương pháp thử đối với các chỉ tiêu chất lượng phân bón khi được yêu cầu.

4. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động thử nghiệm tại đơn vị định kỳ 6 tháng (trước 30/6) và báo cáo năm (trước 30/12) gửi về Cục Bảo vệ thực vật (phòng Kế hoạch) địa chỉ số 149, Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội.

Điều 5. Chánh văn phòng Cục, Trưởng phòng Kế hoạch, Giám đốc Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Vụ KHCN & MT;
- Trung tâm tin học và thống kê (đăng website);
- Phòng QLPB (để phối hợp);
- Phòng HTQT&TT (đăng website Cục BVTV);
- Lưu VT, KH.



Hoàng Trung

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC PHƯƠNG PHÁP THỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 800/QĐ-BVTV-KH ngày 27 tháng 3 năm 2018
của Cục Bảo vệ thực vật)

| Stt | Tên chỉ tiêu thử nghiệm | Đối tượng phương pháp thử | Khoảng đo/LOD | Phương pháp thử được chỉ định |
|-----|---|----------------------------|-------------------------|-------------------------------|
| 1 | Xác định hàm lượng Nitơ tổng số | Phân bón không chứa Nitrat | Khoảng đo $\geq 0,05\%$ | TCVN 8557:2010 |
| 2 | | Phân bón NPK | Khoảng đo $\geq 0,05\%$ | TCVN 5815:2001 |
| 3 | | Phân Ure | Khoảng đo $\geq 0,05\%$ | TCVN 2620-2014 |
| 4 | Xác định hàm lượng P ₂ O ₅ hữu hiệu | Các loại phân bón | Khoảng đo $\geq 0,05\%$ | TCVN 8559:2010 |
| 5 | Xác định hàm lượng K ₂ O hữu hiệu | Các loại phân bón | Khoảng đo $\geq 0,05\%$ | TCVN 8560:2010 |
| 6 | Xác định hàm lượng Axit Humic | Phân bón hữu cơ | Khoảng đo $\geq 0,3\%$ | TCVN 8561:2010 |
| 8 | Hàm lượng chất hữu cơ tổng số | Các loại phân bón | Khoảng đo $\geq 0,5\%$ | TCVN 9294:2012 |
| 9 | Xác định hàm lượng As | Các loại phân bón | LOD: 0,1 ppm | TCVN 8467:2010 |
| 10 | Xác định hàm lượng Cd | Các loại phân bón | LOD: 0,2 ppm | TCVN 9291:2012 |
| 11 | Xác định hàm lượng Pb | Các loại phân bón | LOD: 2 ppm | TCVN 9290:2012 |
| 12 | Xác định hàm lượng Hg | Các loại phân bón | LOD: 0,01 ppm | AOAC 971.21 |
| 13 | Xác định hàm lượng Ca | Các loại phân bón | LOD: 1 ppm | TCVN 9284:2012 |
| 14 | Xác định hàm lượng Mg | Các loại phân bón | LOD: 1 ppm | TCVN 9285:2012 |
| 15 | Xác định hàm lượng Fe | Các loại phân bón | LOD: 1 ppm | TCVN 9283:2012 |
| 16 | Xác định hàm lượng Cu | Các loại phân bón | LOD: 1 ppm | TCVN 9286:2012 |
| 17 | Xác định hàm lượng Mn | Các loại phân bón | LOD: 1 ppm | TCVN 9288:2012 |
| 18 | Xác định hàm lượng Zn | Các loại phân bón | LOD: 1 ppm | TCVN 9289:2012 |
| 19 | Xác định hàm lượng SiO ₂ tổng số | Phân hỗn hợp NPK | Khoảng đo $\geq 0,1\%$ | TCVN 5815:2001 |

| | | | | |
|----|---------------------------------|---------------------------|-------------------------|-------------------------------------|
| 21 | Xác định hàm lượng B | Các loại phân bón | LOD: 8 ppm | TCVN 10679:2015 |
| 22 | Ẩm độ | Các loại phân bón thể rắn | Khoảng đo $\geq 0,01\%$ | TCVN 9297-2012 |
| 23 | Hàm lượng Acid tự do | Các loại phân bón | Khoảng đo $\geq 0,01\%$ | TCVN 9292-2012 |
| 24 | Xác định hàm lượng S | Các loại phân bón | Khoảng đo $\geq 0,1\%$ | TCVN 9296: 2012 |
| 25 | Hàm lượng Biuret | Phân Urê | LOD: 0.05 % | TCVN 2620-2014 |
| 26 | Vi khuẩn <i>E.Coli</i> | Các loại phân bón | LOD < 0,3 MPN/g | Ref. TCVN 6846-2007 (ISO 7251-2005) |
| 27 | Vi khuẩn <i>Salmonella spp.</i> | Các loại phân bón | LOD : 3 CFU/25g | Ref. TCVN 4829-2005 (ISO 6579:2002) |